

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ- ST
Ngày 27-05-2020
V/v“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Ông Trần Đình Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Mai Thanh Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 682 /2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu Th, sinh năm 1991;địa chỉ: M H, MT,Ph M, BĐ, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1984;địa chỉ: Thôn Tr H, xã M C T, huyện P M, tỉnh B Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Thu Th trình bày:*

Chị Th đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thành L vào năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh Tây, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống với nhau đến cuối năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do anh L thường xuyên uống rượu bia say về nhà chửi bới không lo công việc gia đình, không biết quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không khắc phục được. Chị Thanh và anh L không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Con chung của vợ chồng có 02 người là Nguyễn Thành Thân Th, sinh ngày 21/03/2012, và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/09/2014, hiện nay con đang sống với chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản gì và không nợ nần gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 05/03/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Thành L trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và tài sản chung, anh L thống nhất như trình bày nêu trên của chị Võ Thị Thu Th.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh L cũng thừa nhận ít quan tâm đến gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được đoàn tụ với chị Th, không chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có hai người con chung, ly hôn anh L yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Về Tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng không nợ nần gì của ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của

đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, thấy rằng, chị Th và anh L có đăng ký kết hôn năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Chánh Tây, hôn nhân tự nguyện, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau. Vì vậy áp dụng Điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh L là phù hợp. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thành Thân Th, sinh ngày 21/03/2012 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/09/2014 cho chị Th nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị Th, vì các cháu đang sống ổn định với chị Th, từ khi ly thân anh L không có trách nhiệm gì với các con. Chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung chị Th và anh L không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Anh Nguyễn Thành L là bị đơn trong vụ án, anh L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Thanh và anh L đăng ký kết hôn năm 2012, tại Ủy ban nhân dân

xã Mỹ Chánh Tây, hôn nhân tự nguyện, nên được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm đến vợ con. Anh L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, nhưng thực tế anh L không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị Th đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng khắc phục được, nên chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc anh L yêu cầu được đoàn tụ là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:*

Vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn Thành Thân Th, sinh ngày 21/03/2012 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/09/2014. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh L yêu cầu chia theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy, Từ khi ly thân các cháu ở ổn định với chị Th cháu Đ hiện còn nhỏ, cháu Th bị bệnh tật bẩm sinh nên cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, nên giao con cho chị Th nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4]. *Về tài sản chung:*

Chị Th và anh L đều xác định là vợ chồng không có tài sản gì và không có nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5]. *Về án phí:*

Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Thân Th, sinh ngày 21/03/2012 và cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/09/2014 cho chị Võ Thị Thu Th nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Thành L.

Anh Nguyễn Thành L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Võ Thị Thu Th và anh Nguyễn Thành L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000992, ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Chị Võ Thị Thu Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Thu Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy

định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Văn Minh